

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức
của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 178/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội
về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội;*

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

1. Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan của Quốc hội,
do Quốc hội quyết định thành lập, giải thể.

2. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Nghị quyết này và các
quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo nhiệm kỳ của
Quốc hội.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

1. Hội đồng Dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên là đại biểu
Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy viên là đại biểu
Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng Dân tộc.

Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, các Ủy viên là đại
biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban và các Ủy viên là đại biểu Quốc
hội hoạt động kiêm nhiệm của Ủy ban.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy
viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc. Thường
trực Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên là
đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban.

3. Vụ chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội là tổ chức hành chính, có chức năng nghiên cứu, tham mưu, giúp việc, tổ chức phục vụ các hoạt động của Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với đề cao trách nhiệm của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và vai trò điều hành của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.

2. Quyết định của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành. Việc biểu quyết của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định của Hội đồng, Ủy ban.

3. Hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công phụ trách; bảo đảm sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội; tăng cường và phát huy trách nhiệm của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban trong việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực.

Điều 4. Phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, báo cáo, dự án, đề án khác trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xem xét, quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, Ủy ban.

Phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải có quá nửa tổng số thành viên của Hội đồng, Ủy ban tham dự.

2. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham dự phiên họp của Hội đồng, Ủy ban theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban; thảo luận và biểu quyết các vấn đề xem xét tại phiên họp; trường hợp không tham dự phiên họp thì phải có lý do chính đáng, phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.

3. Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội có quyền tham dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo tại phiên họp của Hội đồng, Ủy ban.

4. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có thể mời đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban mình, đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan và chuyên gia tham gia hoạt động của Hội đồng, Ủy ban. Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện cho người được mời tham gia hoạt động của Hội đồng, Ủy ban.

5. Khi Hội đồng Dân tộc họp bàn về chính sách dân tộc, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc có thể mời đại diện của các dân tộc chưa có người đại diện trong Quốc hội nhiệm kỳ đó là đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng Dân tộc

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực dân tộc và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Thẩm tra việc bảo đảm chính sách dân tộc trong các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong lĩnh vực Hội đồng phụ trách; giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thuộc lĩnh vực Hội đồng phụ trách.

5. Nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội về công tác dân tộc; kiến nghị các vấn đề về việc thực hiện chính sách dân tộc của Nhà nước, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và những vấn đề khác có liên quan đến công tác dân tộc.

6. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Hội đồng phụ trách.

7. Có trách nhiệm tham gia ý kiến về việc ban hành quy định thực hiện chính sách dân tộc của Chính phủ.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước, hành chính, dân sự, hình sự, tố tụng tư pháp, thi hành án, thi hành các biện pháp ngăn chặn, hỗ trợ tư pháp, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Chủ trì thẩm tra kiến nghị của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đề nghị của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc của đại biểu Quốc hội về văn bản có dấu hiệu trái Hiến pháp.

3. Chủ trì thẩm tra đề án về thành lập, bãi bỏ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác do Quốc hội thành lập; thẩm tra đề nghị về việc thành lập, giải thể các Tòa án

nhân dân, Tòa án quân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự, cơ quan an ninh điều tra quân khu và tương đương, cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương, cơ quan điều tra hình sự khu vực; thẩm tra đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; thẩm tra đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc phê chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; thẩm tra đề nghị của Chủ tịch nước về việc đại xá.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong lĩnh vực Ủy ban phụ trách; giám sát việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực.

5. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước, các vấn đề về hành chính, dân sự, hình sự, tố tụng tư pháp, thi hành án, thi hành các biện pháp ngăn chặn, hỗ trợ tư pháp, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

7. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Kinh tế và Tài chính

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước, đất đai, ngân hàng, hoạt động kinh doanh, kiểm toán nhà nước và các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Chủ trì thẩm tra chính sách cơ bản về tài chính quốc gia, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án, kế hoạch về mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước trong việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, chương trình, dự án, kế hoạch về mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện chính sách kinh tế, tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước và các nội dung khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

5. Kiến nghị các vấn đề về quản lý kinh tế, tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước, đất đai, ngân hàng, hoạt động kinh doanh, kiểm toán nhà nước, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Thẩm tra việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh trong các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; thẩm tra chính sách cơ bản về đối ngoại; chủ trì thẩm tra điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của Quốc hội; thẩm tra đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, chính sách đối ngoại, việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn; giám sát hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; giám sát việc thực hiện chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam và các nội dung khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

5. Kiến nghị các vấn đề về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các vấn đề về chính sách đối ngoại của Nhà nước, về quan hệ với Quốc hội các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

7. Làm nhiệm vụ cơ quan đầu mối trong quan hệ ngoại giao với nghị viện các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực mà Quốc hội Việt Nam là thành viên; giữ quan hệ với các Ủy ban phụ trách công tác đối ngoại của nghị viện các nước.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Văn hóa và Xã hội

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, giáo dục, thông tin, truyền thông, du lịch, thể thao, lao động, việc làm, y tế, dân số, an sinh xã hội, bình đẳng giới, thi đua, khen thưởng, phòng, chống tệ nạn xã hội, về người cao tuổi, thanh niên, trẻ em và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Thẩm tra việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc thực hiện chính sách về văn hóa, tôn giáo, giáo dục, thông tin, truyền thông, du lịch, thể thao, lao động, việc làm, y tế, dân số, an sinh xã hội, bình đẳng giới, thi đua, khen thưởng, phòng, chống tệ nạn xã hội; giám sát việc thực hiện chính sách đối với người cao tuổi, thanh niên, trẻ em và các nội dung khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

5. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến chính sách về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, giáo dục, thông tin, truyền thông, du lịch, thể thao, lao động, việc làm, y tế, dân số, an sinh xã hội, bình đẳng giới, thi đua, khen thưởng, phòng, chống tệ nạn xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, thanh niên, trẻ em, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tài nguyên (trừ đất đai), môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

3. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

4. Kiến nghị các vấn đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tài nguyên (trữ đất đai), bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

5. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Công tác đại biểu

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, về lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu, phê chuẩn và các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Thẩm tra các tờ trình, đề án, dự án về cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ; việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; về số lượng biên chế, chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

5. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức bầu cử; về công tác cán bộ; về tổ chức và hoạt động của các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội; chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm khác đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban Dân nguyện và Giám sát

1. Thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trưng cầu ý dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, về hoạt động giám sát và các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Chủ trì thẩm tra báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước về việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn.

3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước trong lĩnh vực Ủy ban phụ trách; chủ trì giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

5. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

6. Kiến nghị các vấn đề về tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

7. Trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Ủy ban phụ trách.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 13. Trách nhiệm tham gia thẩm tra và phối hợp giữa Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

1. Tham gia thẩm tra nội dung liên quan đến lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách trong các báo cáo, dự án, đề án do cơ quan khác của Quốc hội chủ trì thẩm tra;

2. Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách;

3. Tham gia với Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra kiến nghị về văn bản có dấu hiệu trái Hiến pháp; đề án về thành lập, bãi bỏ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

4. Tham gia với Ủy ban Kinh tế và Tài chính thẩm tra chương trình, dự án, kế hoạch về mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội; chính sách cơ bản về tài chính quốc gia, tiền tệ quốc gia; về ngân sách nhà nước;

5. Tham gia với Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại thẩm tra điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của Quốc hội;

6. Tham gia với Ủy ban Dân nguyện và Giám sát thẩm tra báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước về việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, THƯỜNG TRỰC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 14. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội giúp Hội đồng, Ủy ban giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng, Ủy ban trong thời gian giữa các phiên họp của Hội đồng, Ủy ban và thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lãnh đạo Quốc hội phân công.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số kết hợp với vai trò điều hành của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.

Khi quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thì Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban biểu quyết tập thể và quyết định theo đa số; các ý kiến khác được ghi nhận và thể hiện trong văn bản của Thường trực.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực

1. Dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trình Hội đồng, Ủy ban xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động, quyết định, kết luận của Hội đồng, Ủy ban.

2. Chuẩn bị nội dung và tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng, Ủy ban; cung cấp thông tin, tư liệu cần thiết cho các thành viên của Hội đồng, Ủy ban. Căn cứ vào kết quả phiên họp của Hội đồng, Ủy ban, chuẩn bị báo cáo thẩm tra, các báo cáo khác của Hội đồng, Ủy ban trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thẩm tra sơ bộ dự án luật, nghị quyết, báo cáo, dự án, đề án khác trong trường hợp chưa thể tổ chức phiên họp thẩm tra của Hội đồng, Ủy ban; tham gia phối hợp cùng cơ quan trình dự án trong quá trình tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự án để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét trước khi trình Quốc hội. Tham gia thẩm tra đối với nội dung thuộc trách nhiệm của Hội đồng, Ủy ban trong các báo cáo, dự án, đề án do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội chủ trì thẩm tra, trừ trường hợp dự án có nhiều nội dung quan trọng, còn có ý kiến khác nhau mà Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban thấy cần trình Hội đồng, Ủy ban họp thẩm tra. Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp có trách nhiệm tham gia thẩm tra về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Tổ chức thực hiện sự chỉ đạo, điều hòa, phối hợp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với hoạt động của Hội đồng, Ủy ban; chuẩn bị ý kiến về những nội dung trong chương trình phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi được mời tham dự; tham gia các hoạt động của Hội đồng, Ủy ban khác và của các cơ quan, tổ chức hữu quan.

5. Tổ chức các đoàn giám sát, đoàn công tác của Hội đồng, Ủy ban.

6. Quyết định việc thành lập các Tiểu ban hoạt động thường xuyên hoặc theo từng công việc, dự án cụ thể để nghiên cứu, chuẩn bị nội dung tham mưu về các vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách. Trưởng Tiểu ban phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban, các thành viên khác không nhất thiết phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban hoặc đại biểu Quốc hội.

7. Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân gửi đến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

8. Trực tiếp chỉ đạo công tác chuyên môn của Vụ chuyên môn.

9. Định kỳ báo cáo với Hội đồng, Ủy ban về hoạt động của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban.

10. Phối hợp với Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu trong công tác cán bộ và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đại biểu Quốc hội là thành viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội. Trước khi hết nhiệm kỳ, dự kiến cơ cấu thành phần, số lượng thành viên Hội đồng, Ủy ban nhiệm kỳ tiếp theo và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

11. Phối hợp với Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trong việc tham mưu, phục vụ kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

12. Giải quyết các công việc đột xuất khác của Hội đồng, Ủy ban và báo cáo Hội đồng, Ủy ban tại phiên họp gần nhất.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội trong việc giúp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo phân công

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 15 của Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chủ

tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thường xuyên sau đây:

1. Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, ban hành và điều chỉnh kế hoạch triển khai thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, quyết định, điều chỉnh và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội;

2. Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện nhiệm vụ đại diện Quốc hội Việt Nam tham gia hoạt động đối ngoại với nghị viện các nước; điều phối hoạt động của Quốc hội Việt Nam tại các khuôn khổ, cơ chế hợp tác liên nghị viện;

3. Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện các công việc sau đây:

a) Bảo đảm hồ sơ và tổ chức thực hiện các trình tự, thủ tục để Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm và các thủ tục khác về công tác cán bộ liên quan đến người giữ chức vụ trong các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Quốc hội;

b) Chủ trì, phối hợp với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách và việc cho thôi đối với Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng, Ủy ban.

Bảo đảm hồ sơ và tổ chức thực hiện các trình tự, thủ tục để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc phê chuẩn, bổ nhiệm, cách chức, cho thôi làm nhiệm vụ đối với các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Thực hiện công tác quản lý cán bộ đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm khác đối với đại biểu Quốc hội; việc bảo đảm thực hiện quyền miễn trừ của đại biểu Quốc hội, việc tạm đình chỉ, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu, khen thưởng, kỷ luật và các thủ tục khác về công tác cán bộ liên quan đến đại biểu Quốc hội;

d) Chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện các thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bầu cử, hướng dẫn công tác bầu cử, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

đ) Chủ trì tham mưu thực hiện việc giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân;

e) Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng đại biểu Quốc hội; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân. Tham mưu giúp Ủy ban

Thường vụ Quốc hội tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;

g) Thực hiện thủ tục và bảo đảm chế độ đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương và cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghỉ hưu hoặc chuyển công tác;

4. Thường trực Ủy ban Dân nguyện và Giám sát có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện các công việc sau đây:

a) Chủ trì xây dựng chương trình giám sát hằng năm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai chương trình giám sát hằng năm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều hòa hoạt động giám sát của các cơ quan của Quốc hội;

b) Chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội đề xuất nội dung, tổ chức hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội và phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người được chất vấn;

c) Tiếp nhận, xử lý đơn thư, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tổ chức công tác tiếp công dân của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội; đại diện cho các cơ quan của Quốc hội thực hiện tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân ở trung ương và địa điểm tiếp công dân của Quốc hội;

d) Tổng hợp, phân loại, chuyển kiến nghị của cử tri do các Đoàn đại biểu Quốc hội gửi đến thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc tiếp thu kiến nghị của cử tri và Nhân dân góp ý vào các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết;

đ) Chủ trì tham mưu tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội;

e) Tổng hợp kết quả hoạt động giám sát, công tác dân nguyện của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, định kỳ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.

Chương IV

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CHỦ NHIỆM CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội chịu trách nhiệm điều hành công việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban; triệu tập, chủ trì các phiên họp của Hội đồng, Ủy ban, các phiên họp của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phối hợp với Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách và việc cho thôi đối với các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng Dân tộc; các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Ủy ban;

b) Giữ liên hệ thường xuyên với các thành viên của Hội đồng, Ủy ban;

c) Được tham dự các phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc được mời tham dự các phiên họp Chính phủ bàn việc thực hiện chính sách dân tộc;

d) Thay mặt Hội đồng, Ủy ban giữ liên hệ với các cơ quan, tổ chức hữu quan;

đ) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban;

e) Quyết định việc tuyển dụng, điều động, biệt phái, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương của Vụ chuyên môn; tạm đình chỉ công tác đối với Vụ trưởng Vụ chuyên môn trực thuộc;

g) Quyết định việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng, Ủy ban;

h) Phối hợp với Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức của Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban; tổ chức công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, bảo vệ và lễ tân phục vụ hoạt động của Hội đồng, Ủy ban; quản lý kinh phí, tài sản; bảo đảm cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng, Ủy ban;

i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tổ chức thảo luận tập thể với Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về việc thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm e, g và h khoản 1 Điều này trước khi quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 18. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội

Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban điều hành công việc của Hội đồng, Ủy ban, của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban theo phân công của Chủ tịch, Chủ nhiệm; tham gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban; tham gia thảo luận tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết này; trực tiếp chỉ đạo công tác chuyên môn của Vụ chuyên môn về những nội dung thuộc phạm vi được phân công; nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban và Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban về những vấn đề thuộc phạm vi được phân công và các vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách;

2. Được Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội khi Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội vắng mặt;

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.

Điều 19. Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tham gia và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 20 của Nghị quyết này;

2. Trực tiếp nghiên cứu, biên tập và tham gia chỉ đạo Vụ chuyên môn nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến về các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các nội dung khác thuộc phạm vi được phân công để báo cáo Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban;

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban hoặc của Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban.

Điều 20. Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ động nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, Ủy ban;

2. Tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng, Ủy ban khi được yêu cầu; phối hợp, hỗ trợ Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban triển khai các hoạt động tại địa phương, cơ quan nơi công tác, làm nhiệm vụ đại biểu; cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương, lĩnh vực công tác để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng, Ủy ban;

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.

Điều 21. Tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ đối với Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Chủ tịch Quốc hội quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cho thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động, luân chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc được bố trí, phân công công tác khác;
- b) Thuộc trường hợp không được giữ chức vụ có liên quan sau khi được điều động, luân chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc được bố trí, phân công công tác khác theo quy định của pháp luật hoặc của cấp có thẩm quyền;
- c) Vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục làm nhiệm vụ.

Chương V

VỤ CHUYÊN MÔN VÀ VIỆC BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 22. Vụ chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

1. Các Vụ chuyên môn bao gồm:
 - a) Vụ Dân tộc trực thuộc Hội đồng Dân tộc;
 - b) Vụ Pháp luật và Tư pháp trực thuộc Ủy ban Pháp luật và Tư pháp;
 - c) Vụ Kinh tế và Tài chính trực thuộc Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
 - d) Vụ Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại trực thuộc Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại;
 - đ) Vụ Văn hóa và Xã hội trực thuộc Ủy ban Văn hóa và Xã hội;
 - e) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trực thuộc Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
 - g) Vụ Công tác đại biểu trực thuộc Ủy ban Công tác đại biểu;
 - h) Vụ Dân nguyện và Giám sát trực thuộc Ủy ban Dân nguyện và Giám sát.
2. Vụ chuyên môn chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban, Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban và các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng, Ủy ban.

Điều 23. Cơ cấu tổ chức của Vụ chuyên môn

1. Vụ chuyên môn có Vụ trưởng, các Phó Vụ trưởng và các công chức.
2. Vụ chuyên môn hoạt động theo chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ chuyên viên.
3. Số lượng Phó Vụ trưởng của Vụ chuyên môn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ chuyên môn

1. Nghiên cứu, tham mưu, tổ chức phục vụ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, Ủy ban quy định tại Chương II của Nghị quyết này.

2. Nghiên cứu, tham mưu, tổ chức phục vụ Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban quy định tại Chương III của Nghị quyết này.

3. Nghiên cứu, tham mưu, tổ chức phục vụ Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban và các thành viên khác của Hội đồng, Ủy ban thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban và các thành viên khác của Hội đồng, Ủy ban quy định tại Chương IV của Nghị quyết này.

4. Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Vụ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, định kỳ hàng tuần, hàng tháng báo cáo Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban theo Quy chế làm việc của Hội đồng, Ủy ban và các quy định có liên quan;

b) Phối hợp với đơn vị có liên quan của Văn phòng Quốc hội trong việc tiếp nhận, xử lý, phát hành, cập nhật, khai thác và quản lý văn bản, thông tin, cơ sở dữ liệu trên Cổng Thông tin điện tử của Quốc hội, hệ thống thông tin nội bộ của Quốc hội; lưu trữ văn bản, tài liệu, ấn phẩm phục vụ việc quản lý và khai thác; quản lý hồ sơ, tài liệu, nộp lưu trữ theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với đơn vị có liên quan của Văn phòng Quốc hội trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, thực hiện các nghiệp vụ về công tác tổ chức cán bộ, quản lý, khai thác hồ sơ, lý lịch công chức của Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban;

d) Phối hợp với đơn vị có liên quan của Văn phòng Quốc hội xây dựng dự toán kinh phí, thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng, Ủy ban theo quy định của pháp luật; triển khai các hoạt động có sử dụng kinh phí theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban theo quy định của pháp luật; báo cáo việc xây dựng dự toán và tình hình sử dụng kinh phí với Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban;

đ) Phối hợp với đơn vị có liên quan của Văn phòng Quốc hội trong việc quản lý, sử dụng tài sản được giao phục vụ hoạt động của Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban;

e) Phối hợp với các Vụ chuyên môn khác của Hội đồng, Ủy ban, Văn phòng Quốc hội trong tham mưu, tổ chức phục vụ các hoạt động chung của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;

g) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban giao.

Điều 25. Trách nhiệm của Văn phòng Quốc hội trong việc bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

1. Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức công tác hành chính, quản trị, lễ tân, hợp tác quốc tế, thông tin, chuyển đổi số và các điều kiện bảo đảm khác phục vụ hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban;

b) Thực hiện nhiệm vụ đơn vị dự toán ngân sách nhà nước đối với khoản kinh phí được phân bổ cho Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; thực hiện nghiệp vụ về quản lý tài chính đối với khoản kinh phí được phân bổ của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong khoản kinh phí hoạt động của Quốc hội; thực hiện nghiệp vụ về quản lý tài sản đối với các tài sản mà Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và Vụ chuyên môn được trang bị theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, thực hiện các nghiệp vụ về công tác tổ chức cán bộ đối với công chức của Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban;

d) Bảo đảm cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban.

2. Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về quản lý công chức tại Vụ chuyên môn của Hội đồng, Ủy ban và việc bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

2. Ban Công tác đại biểu, Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết thúc hoạt động kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết số 1156/2016/UBTVQH13 ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Dân nguyện và Nghị quyết số 21/2022/UBTVQH15 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Công tác đại biểu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, căn cứ vào Nghị quyết này, Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và quy định khác của pháp luật có liên quan, xây dựng Quy chế làm việc phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, đặc điểm, tình hình cụ thể của cơ quan mình.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại phiên họp ngày 18 tháng 02 năm 2025.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn